

DANH MỤC CÁC DỊCH VỤ CHIA SẺ DỮ LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP TRÊN NỀN TẢNG TÍCH HỢP CHIA SẺ DỮ LIỆU NDXP

DANH MỤC CÁC DỊCH VỤ CHIA SẺ DỮ LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP TRÊN NỀN TẢNG TÍCH HỢP CHIA SẺ DỮ LIỆU NDXP

CỤC CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

STT	Mã dịch vụ (Sẽ đánh mã sau)	Hệ thống/CSDL/Dự án	Tên dịch vụ	Cơ quan cung cấp	Mô tả Nội dung dữ liệu chia sẻ
1	G01.01	CSDL quốc gia về dân cư	Dịch vụ xác thực cấp số CCCD/CMND	Bộ Công An	Dịch vụ này cho phép xác thực thông tin cấp số định danh cá nhân/ số căn cước công dân và số chứng minh nhân dân là cùng 01 công dân trong CSDLQG về dân cư hay không.
2	G01.02	CSDL quốc gia về dân cư	Dịch vụ tra cứu thông tin công dân	Bộ Công An	Dịch vụ này cho phép chia sẻ các trường thông tin của công dân có trong CSDLQG về dân cư.
3	G01.03	CSDL quốc gia về dân cư	Dịch vụ gợi ý số định danh cá nhân	Bộ Công An	Dịch vụ này cho phép cung cấp số định danh công dân có trong CSDLQG về dân cư.
4	G01.04	CSDL quốc gia về dân cư	Dịch vụ đồng bộ thông tin đăng ký doanh nghiệp	Bộ Công An	Dịch vụ này cho phép đồng bộ thông tin đăng ký doanh nghiệp từ Bộ Kế hoạch đầu tư tới CSDLQG về dân cư.
5	G01.05	CSDL quốc gia về dân cư	Dịch vụ đồng bộ thông tin giấy phép lái xe	Bộ Công An	Dịch vụ này cho phép đồng bộ thông tin giấy phép lái xe từ Bộ Giao thông vận tải tới CSDLQG về dân cư.
6	G01.06	Kết nối dữ liệu dân cư	Dịch vụ cung cấp thông tin công dân và thông tin biến động cư trú	Bộ Công An	Dịch vụ cung cấp thông tin công dân và thông tin biến động cư trú
7	G01.07	Kết nối dữ liệu dân cư	Dịch vụ gợi ý số định danh cá nhân (không có số CMND)	Bộ Công An	Dịch vụ gợi ý số định danh cá nhân (không có số CMND)
8	G01.08	Kết nối dữ liệu dân cư	Xác thực thông tin doanh nghiệp	Bộ Công An	Xác thực thông tin doanh nghiệp
9	G01.09	Kết nối dữ liệu dân cư	Dịch vụ xác nhận thông tin chủ hộ	Bộ Công An	Dịch vụ xác nhận thông tin chủ hộ
10	G01.10	Kết nối dữ liệu dân cư	Dịch vụ đồng bộ thông tin số thuế bao	Bộ Công An	Dịch vụ đồng bộ thông tin số thuế bao
11	G01.11	Kết nối hệ thống VNEID	Lấy thông tin user	Bộ Công An	Lấy thông tin user
12	G17.01	Khai thác dịch vụ lái xe	Truy cập	Bộ Giao thông vận tải	Kết nối truy cập vào dịch vụ lái xe
13	G17.02	Khai thác dịch vụ lái xe	API Tra cứu hồ sơ	Bộ Giao thông vận tải	Dịch vụ tra cứu hồ sơ
14	G17.03	Khai thác dịch vụ lái xe	API Lấy Danh sách hồ sơ	Bộ Giao thông vận tải	Dịch vụ lấy Danh sách hồ sơ
15	G17.04	Kết nối dịch vụ GTVT	API lấy lấy thông tin phương tiện	Bộ Giao thông vận tải	Lấy thông tin phương tiện
16	G17.05	Kết nối dịch vụ GTVT	API cung cấp thông tin đăng kiểm phương tiện	Bộ Giao thông vận tải	Dịch vụ cung cấp thông tin đăng kiểm phương tiện
17	G17.06	Kết nối dịch vụ GTVT	API cung cấp thông tin giấy phép lái xe	Bộ Giao thông vận tải	API cung cấp thông tin giấy phép lái xe
18	G17.07	Kết nối dịch vụ GTVT	API cung cấp thông tin giấy phép lái xe theo lô	Bộ Giao thông vận tải	Dịch vụ cung cấp thông tin giấy phép lái xe theo lô
19	G17.08	Kết nối dịch vụ GTVT	API khai thác dữ liệu GPLX theo đầu vào giấy phép lái xe	Bộ Giao thông vận tải	Dịch vụ khai thác dữ liệu GPLX theo đầu vào giấy phép lái xe
20	G17.09	Kết nối dịch vụ GTVT	API khai thác dữ liệu GPLX theo lô theo đầu vào giấy phép lái xe	Bộ Giao thông vận tải	Dịch vụ khai thác dữ liệu GPLX theo lô theo đầu vào giấy phép lái xe
21	G17.10	Kết nối dịch vụ GTVT	API tra cứu thông tin giấy phép liên vận	Bộ Giao thông vận tải	Dịch vụ tra cứu thông tin giấy phép liên vận
22	G17.11	Kết nối Cổng DVC của Bộ Xây dựng	API Đồng bộ thông tin hồ sơ được người dùng nộp tại cổng dịch vụ công địa phương lên hệ thống TBNOHTTTL của Bộ Xây dựng.	Bộ Xây dựng	Kết nối thông tin hồ sơ người dùng từ địa phương lên hệ thống của Bộ xây dựng
23	G17.12	Kết nối Cổng DVC của Bộ Xây dựng	Đồng bộ thông tin trình xử lý hồ sơ từ cổng dịch vụ công địa phương lên hệ thống TBNOHTTTL của Bộ Xây dựng.	Bộ Xây dựng	Đồng bộ thông tin trình xử lý hồ sơ từ cổng dịch vụ công địa phương lên hệ thống TBNOHTTTL của Bộ Xây dựng.

24	G17.13	Kết nối Cổng DVC của Bộ Xây dựng	API Đồng bộ thông tin hồ sơ được người dùng nộp tại hệ thống TBNOHTTTL của Bộ Xây dựng về phần mềm Một cửa điện tử địa phương.	Bộ Xây dựng	Đồng bộ thông tin hồ sơ được người dùng nộp tại hệ thống TBNOHTTTL của Bộ Xây dựng
25	G12.01	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin đăng ký Doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Dịch vụ cung cấp thông tin đăng ký Doanh nghiệp
26	G12.02	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin đăng ký Hợp tác xã	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thông tin đăng ký Hợp tác xã
27	G12.03	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin đăng ký Hộ Kinh doanh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thông tin đăng ký hộ kinh doanh
28	G12.04	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp danh sách hồ sơ Doanh nghiệp xử lý trong khoảng thời gian	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Cho phép tra cứu hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trong khoảng thời gian
29	G12.05	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp danh sách hồ sơ Hợp tác xã xử lý trong khoảng thời gian	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Cho phép tra cứu hồ sơ đăng ký Hợp tác xã trong khoảng thời gian
30	G12.06	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp danh sách hồ sơ Hộ kinh doanh xử lý trong khoảng thời gian	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Cho phép tra cứu hồ sơ Hộ kinh doanh trong khoảng thời gian
31	G12.07	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin thông tin mới nhất của hồ sơ đăng ký Doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Cho phép tra cứu thông tin hồ sơ đăng ký doanh nghiệp
32	G12.08	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin thông tin mới nhất của hồ sơ đăng ký Hợp tác xã	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Cho phép tra cứu thông tin hồ sơ đăng ký Hợp tác xã
33	G12.09	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin thông tin mới nhất của hồ sơ đăng ký Hộ kinh doanh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Cho phép tra cứu thông tin hồ sơ đăng ký Hộ kinh doanh
34	G12.10	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin chi tiết về quá trình xử lý hồ sơ đăng ký Doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thông tin hồ sơ đăng ký doanh nghiệp
35	G12.11	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin chi tiết về quá trình xử lý hồ sơ đăng ký Hợp tác xã	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thông tin hồ sơ đăng ký hợp tác xã
36	G12.12	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin chi tiết về quá trình xử lý hồ sơ đăng ký Hộ kinh doanh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thông tin hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh
37	G12.13	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	HoSoKeKhaiGiaBoTaiChinh	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu hồ sơ kê khai từ hệ thống dịch vụ công trực tuyến Bộ Tài chính qua Trục kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia
38	G12.14	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	DoanhNghiepKeKhaiBoTaiChinh	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu danh mục doanh nghiệp kê khai giá tại Bộ tài chính qua Trục kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia
39	G12.15	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	HangHoaDichVuKeKhaiBoTaiChin	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá từ hệ thống DVCTT qua Trục kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia
40	G12.16	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	ChiNhanhKeKhaiBoTaiChinh	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu danh mục chi nhánh của doanh nghiệp kê khai giá tại BTC qua Trục kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia
41	G12.17	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	KhoHangKeKhaiBoTaiChinh	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu danh mục kho hàng của doanh nghiệp kê khai giá tại BTC qua Trục kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia Nhập dữ liệu/ cập nhật dữ liệu.
42	G12.18	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	DoiTuongApDungKeKhaiBoTaiChinh	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu danh mục đối tượng áp dụng của doanh nghiệp đăng ký giá, kê khai giá tại BTC qua Trục kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia
43	G12.19	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	HoSoDangKyBoTaiChinh	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Hồ sơ giá đăng ký từ hệ thống dịch vụ công trực tuyến Bộ Tài chính từ Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Bộ Tài chính
44	G12.20	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	DoanhNghiepDangKyBoTaiChinh	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu danh mục doanh nghiệp đăng ký giá tại Bộ tài chính qua Trục kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia
45	G12.21	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	HangHoaDichVuDangKyBoTaiChinh	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá tại BTC từ Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Bộ Tài chính
46	G12.22	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	ChiNhanhDangKyBoTaiChinh	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục chi nhánh của doanh nghiệp đăng ký giá tại BTC từ Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Bộ Tài chính
47	G12.23	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	KhoHangDangKyBoTaiChinh	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục kho hàng của doanh nghiệp đăng ký giá tại BTC từ Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Bộ Tài chính
48	G12.24	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước	DoiTuongApDungDangKyBoTaiChinh	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục đối tượng áp dụng của doanh nghiệp đăng ký giá

		với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu			tại BTC từ Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Bộ Tài chính
49	G12.25	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	doanh_nghiep_kk_gia_dm	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu Danh mục doanh nghiệp kê khai giá tại BTC sang hệ thống DVCTT của BTC qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính.
50	G12.26	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	dulieukekhaigia/doanh_nghiep_kk_gia	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu giá tại BTC sang hệ thống DVCTT của BTC qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính.
51	G12.27	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	hhdv_doanh_nghiep	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu danh mục hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp kê khai giá sang hệ thống DVCTT của BTC qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính
52	G12.28	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	dulieukekhaigia/chi_nhanh_dm	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu danh mục chi nhánh của doanh nghiệp kê khai giá sang hệ thống DVCTT của BTC qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính
53	G12.29	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	chi_nhanh	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu danh mục chi nhánh của doanh nghiệp kê khai giá sang hệ thống DVCTT của BTC qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính (kho hàng)
54	G12.30	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	kho_hang_dm	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu danh mục chi nhánh của doanh nghiệp kê khai giá sang hệ thống DVCTT của BTC qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính (lấy danh mục)
55	G12.31	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	kho_hang	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu danh mục chi nhánh của doanh nghiệp kê khai giá sang hệ thống DVCTT của BTC qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính (Kho hàng)
56	G12.32	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	doi_tuong_ap_dung_dm	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu danh mục chi nhánh của doanh nghiệp kê khai giá sang hệ thống DVCTT của BTC qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính (Đối tượng)
57	G12.33	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	doi_tuong_ap_dung	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu danh mục chi nhánh của doanh nghiệp kê khai giá sang hệ thống DVCTT của BTC qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính (Đối tượng áp dụng)
58	G12.34	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	ho_so_ke_khai_gia_dm	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu hồ sơ kê khai giá tại Bộ Tài chính sang hệ thống DVCTT của BTC (Trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp) qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính (danh mục hồ sơ kê khai giá)
59	G12.35	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	ho_so_ke_khai_gia	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu hồ sơ kê khai giá tại Bộ Tài chính sang hệ thống DVCTT của BTC (Trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp) qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính (hồ sơ kê khai giá)
60	G12.36	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	HoSoKeKhaiGiaThiTruong	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương (Hồ sơ kê khai giá thị trường)
61	G12.37	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	HangHoaDichVuThuThapGiaThiTruongTinh	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục hàng hóa, dịch vụ thu thập giá thị trường của Tỉnh từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
62	G12.38	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	GiaTinhThueTaiNguyen	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Giá tính thuế tài nguyên do UBND tỉnh ban hành từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
63	G12.39	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	DanhMucTaiNguyenTinh	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục tài nguyên của tỉnh từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương (Danh mục tài nguyên Tỉnh)
64	G12.40	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	HangHoaDichVuThuGomRacThai	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục dịch vụ thu gom rác thải của Tỉnh từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
65	G12.41	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	DichVuVanChuyenThuGomRacThai	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
66	G12.42	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	DoiTuongTinhLePhiTruocBa	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục đối tượng tính lệ phí trước bạ do UBND Tỉnh quy định từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
67	G12.43	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	GiaTinhLePhiTruocBa	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Giá tính lệ phí trước bạ do UBND Tỉnh quy định từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
68	G12.44	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	ThongTinHoiDongThamDinhGia	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Dữ liệu giá trị tài sản thẩm định giá Nhà nước do Hội đồng thẩm định giá Nhà nước định giá từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương

69	G12.45	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	TaiSanDoHoiDongThamDinhGia	Bộ Tài chính	Nhận thông tin tài sản do hội đồng thẩm định giá thẩm định
70	G12.46	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	HoSoDangKyGiaDiaPhuong	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Dữ liệu hồ sơ đăng ký giá tại địa phương từ CSDL về giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
71	G12.47	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	DoanhNghiepDangKyGiaDiaPhuong	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục doanh nghiệp đăng ký giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
72	G12.48	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	HangHoaDichVuDangKyGiaDiaPhuong	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá từ CSDL về giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
73	G12.49	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	KhoHangDangKyGiaDiaPhuong	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục kho hàng của doanh nghiệp đăng ký giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
74	G12.50	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	DoiTuongApDungDangKyGiaDiaPhuong	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục đối tượng áp dụng của doanh nghiệp đăng ký giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
75	G12.51	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	HoSoKeKhaiGiaDiaPhuong	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Hồ sơ kê khai giá tại địa phương từ CSDL về giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
76	G12.52	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	DoanhNghiepKeKhaiDiaPhuong	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục doanh nghiệp kê khai giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
77	G12.53	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	HangHoaDichVuKeKhaiGiaDiaPhuong	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
78	G12.54	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	KhoHangKeKhaiGiaDiaPhuong	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục kho hàng của doanh nghiệp kê khai giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
79	G12.55	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	DoiTuongApDungKeKhaiGiaDiaPhuong	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục đối tượng áp dụng của doanh nghiệp kê khai giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
80	G12.56	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	OtoTongCucHaiQuan	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục các loại ô tô từ hệ thống của Tổng cục Hải quan từ Hệ thống thông tin Tổng cục Hải quan
81	G12.57	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	GiaOToNhapKhu	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Giá ô tô nhập khẩu từ hệ thống của Tổng cục Hải quan từ Hệ thống thông tin Tổng cục Hải quan
82	G12.58	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	SoDoanhNghiepTDG	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu Số doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá sang Hệ thống thông tin thống kê tài chính qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài
83	G12.59	Kết nối hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	KetQuaThiCapTheThamDinhVien	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Kết quả thi cấp thẻ thẩm định viên về giá từ Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Bộ Tài chính
84	G12.60	Dịch vụ danh mục dùng chung	API lấy dữ liệu danh mục	Bộ Tài chính	
85	G09.01	Kết nối cổng dịch vụ công/ hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp Tỉnh với hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến	Api đồng bộ hồ sơ tiếp nhận từ DVC địa phương lên DVC của Bộ	Bộ lao động, thương binh và xã hội	Hệ thống sẽ gửi vào thông tin này để xác định được hồ sơ là thêm mới hay cập nhật kết quả cuối cùng
86	G09.02	Kết nối cổng dịch vụ công/ hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp Tỉnh với hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến	Api đồng bộ tiến trình xử lý hồ sơ DVC địa phương lên DVC của Bộ	Bộ lao động, thương binh và xã hội	Trạng thái của hồ sơ, giá trị theo bảng định kèm
87	G09.03	Kết nối cổng dịch vụ công/ hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp Tỉnh với hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến	Api cập nhật kết quả cuối cùng DVC địa phương lên DVC của Bộ	Bộ lao động, thương binh và xã hội	Hệ thống sẽ gửi vào thông tin này để xác định được hồ sơ là thêm mới hay cập nhật kết quả cuối cùng
88	G09.04	Kết nối cổng dịch vụ công/ hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp Tỉnh với hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến	Api lấy hồ sơ đăng ký trên cổng DVC của Bộ về DVC địa phương	Bộ lao động, thương binh và xã hội	Lấy hồ sơ đăng ký trên cổng DVC của Bộ về DVC địa phương
89	G09.05	Kết nối cổng dịch vụ công/ hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp Tỉnh với hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến	Api lấy tiến trình xử lý trên cổng DVC của Bộ về DVC địa phương	Bộ lao động, thương binh và xã hội	Kết quả xử lý hồ sơ
90	G09.06	Kết nối cổng dịch vụ công/ hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp Tỉnh với hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến	Api lấy kết quả cuối cùng trên cổng DVC của bộ về DVC địa phương	Bộ lao động, thương binh và xã hội	Xử lý dữ liệu

91	G09.07	Kết nối cổng dịch vụ công/ hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp Tỉnh với hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến	API tra cứu Dữ liệu danh mục hành chính	Bộ lao động, thương binh và xã hội	Tra cứu Dữ liệu danh mục hành chính
92	G09.08	Kết nối cổng dịch vụ công/ hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp Tỉnh với hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến	Dữ liệu danh mục ngân hàng	Bộ lao động, thương binh và xã hội	Dữ liệu danh mục ngân hàng
93	G09.09	Kết nối cổng dịch vụ công/ hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp Tỉnh với hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến	Dữ liệu danh sách chính sách	Bộ lao động, thương binh và xã hội	Dữ liệu danh sách chính sách
94	G09.10	Kết nối cổng dịch vụ công/ hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp Tỉnh với hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến	Dữ liệu danh mục dân tộc	Bộ lao động, thương binh và xã hội	Dữ liệu danh mục dân tộc
95	G09.11	Kết nối cổng dịch vụ công/ hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp Tỉnh với hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến	Dữ liệu danh sách đối tượng	Bộ lao động, thương binh và xã hội	Dữ liệu danh sách đối tượng
96	G09.12	Kết nối cổng dịch vụ công/ hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp Tỉnh với hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến	Dữ liệu danh sách chi trả đối tượng	Bộ lao động, thương binh và xã hội	Dữ liệu danh sách chi trả đối tượng
97	G09.13	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0001 - Nhóm Thông tin chung	Bộ Nội vụ	Cung cấp các thông tin chung của cán bộ, công chức như: số căn cước công dân, họ và tên khai sinh, ngày tháng năm sinh,...
98	G09.14	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0002 - Nhóm Thông tin về cơ quan	Bộ Nội vụ	Cung cấp các thông tin chung của đơn vị quản lý, đơn vị sử dụng CBCC
99	G09.15	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0003 - Nhóm Thông tin tuyển dụng	Bộ Nội vụ	Cung cấp các thông tin về tuyển dụng như: Họ tên cán bộ, ngày tuyển dụng lần đầu, nghề nghiệp trước khi tuyển dụng, vị trí tuyển dụng, ngày vào cơ quan hiện nay....
100	G09.16	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0004 - Nhóm Thông tin quy hoạch cán bộ	Bộ Nội vụ	Cung cấp các thông tin về quy hoạch cán bộ như: Họ tên, số CMT, ngày tháng năm sinh, mạng danh sách chức vụ,
101	G09.17	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0005 - Nhóm Thông tin Đảng (thông tin chung)	Bộ Nội vụ	Cung cấp các thông tin chung về Đảng của CBCC như: là đảng viên không, ngày vào đảng chính thức, dự bị, số thẻ đảng viên, chức vụ đảng, chi bộ sinh hoạt
102	G09.18	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0006 - Nhóm Thông tin Đảng (thông quá trình sinh hoạt Đảng)	Bộ Nội vụ	Cung cấp các thông tin chung về CBCC, thông tin về đơn vị Đảng, danh mục các quyết định
103	G09.19	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0007 - Nhóm Thông tin Quá trình đào tạo chuyên ngành	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, quá trình đào tạo bồi dưỡng của CBCC
104	G09.20	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0008 - Nhóm Thông tin trình độ đào tạo cao nhất	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, quá trình đào tạo chuyên môn
105	G09.21	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0009 - Nhóm Thông tin Quá trình bồi dưỡng lý luận chính trị	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, quá trình bồi dưỡng chính trị lý luận
106	G09.22	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0010 - Nhóm Thông tin Quá trình bồi dưỡng quản lý nhà nước	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, quá trình bồi dưỡng quản lý nhà nước
107	G09.23	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0011 - Nhóm Thông tin Quá trình bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, quá trình bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành
108	G09.24	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0012 - Nhóm Thông tin Quá trình đào tạo, bồi dưỡng tin học	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, quá trình đào tạo, bồi dưỡng tin học
109	G09.25	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0013 - Nhóm Thông tin Quá trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, quá trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ
110	G09.26	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0014 - Nhóm Thông tin về trình độ khác (học hàm, học vị, chức danh khoa học...)	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, thông tin về trình độ khác như: học hàm, học vị, chức danh khoa học....
111	G09.27	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0015 - Nhóm Thông tin Quá trình công tác	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, thông tin về quá trình công tác
112	G09.28	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0016 - Nhóm Thông tin Quá trình tham gia các tổ chức xã hội	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, thông tin về quá trình tham gia các tổ chức xã hội
113	G09.29	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0017 - Nhóm Thông tin Đánh giá cán bộ	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, thông tin về đánh giá, xếp loại cán bộ
114	G09.30	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0018 - Nhóm Thông tin Danh sách khen thưởng	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, thông tin về khen thưởng

115	G09.31	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0019 - Nhóm Thông tin Danh sách kỷ luật	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, thông tin về kỷ luật
116	G09.32	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0020 - Nhóm Thông tin Đại biểu quốc hội	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, thông tin về có là đại biểu quốc hội hay không
117	G09.33	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0021 - Nhóm Thông tin Đại biểu hội đồng nhân dân	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, thông tin về có là đại biểu hội đồng nhân dân hay không
118	G09.34	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0022 - Nhóm Thông tin Bảng thông tin kiểm nhiệm	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về việc kiểm nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức
119	G09.35	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0023 - Nhóm Thông tin Bảng thông tin bổ nhiệm	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về việc bổ nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức
120	G09.36	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0024 - Nhóm Thông tin về việc bị bắt, bỏ tù	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về việc bị bắt, bỏ tù của cán bộ, công chức, viên chức
121	G09.37	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0025 - Nhóm Thông tin về làm việc cho chế độ cũ	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về việc làm việc cho chế độ cũ của cán bộ, công chức, viên chức
122	G09.38	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0026 - Nhóm Thông tin về việc tham gia, có quan hệ với tổ chức nước ngoài	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về tham gia, có quan hệ với tổ chức nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức
123	G09.39	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0027 - Nhóm Thông tin về thân nhân ở nước ngoài	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về thân nhân ở nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức
124	G09.40	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0028 - Nhóm Thông tin Quan hệ gia đình bên vợ, chồng	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về quan hệ bên vợ, chồng của cán bộ, công chức, viên chức
125	G09.41	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0029 - Nhóm Thông tin Quan hệ gia đình bên bản thân	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về quan hệ gia đình bên bản thân của cán bộ, công chức, viên chức
126	G09.42	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0030 - Nhóm Thông tin Quá trình Lương	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về quá trình lương của cán bộ, công chức, viên chức
127	G09.43	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0031 - Nhóm Thông tin Quá trình phụ cấp	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về quá trình phụ cấp của cán bộ, công chức, viên chức
128	G09.44	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0032 - Nhóm Thông tin Tài sản khác	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về tài sản của cán bộ, công chức, viên chức
129	G09.45	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0033 - Nhóm Thông tin nhận xét, đánh giá của đơn vị sử dụng	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin nhận xét, đánh giá của đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức
130	G09.46	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0034 - Nhóm Thông tin nghỉ việc	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin nghỉ việc của cán bộ, công chức, viên chức
131	G09.47	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0035 - Nhóm Thông tin gián đoạn lao động	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin gián đoạn lao động của cán bộ, công chức, viên chức
132	G09.48	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0036 - Nhóm Thông tin bảo hiểm xã hội	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin bảo hiểm xã hội của cán bộ, công chức, viên chức
133	G09.49	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0037 - Nhóm Thông tin về mã số thuế	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin mã số thuế của cán bộ, công chức, viên chức
134	G09.50	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0038 - Nhóm Thông tin khác	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin khác của cán bộ, công chức, viên chức
135	G09.51	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0039 - Toàn bộ Thông tin hồ sơ điện tử	Bộ Nội vụ	Cung cấp toàn bộ thông tin hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, viên chức
136	G09.52	CSDL quốc gia về CBCCVC 1.0	Dịch vụ M0040 - Tệp đính kèm	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin tệp đính kèm trong hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức
137	G09.53	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M01 – Nhóm toàn bộ Thông tin hồ sơ CBCCVC	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật toàn bộ các thông tin hồ sơ, quá trình lương, quá trình công tác, khen thưởng, kỷ luật, các thông tin về gia đình,.. cho cán bộ, công chức, viên chức
138	G09.54	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M02 - Thông tin chung hồ sơ CBCCVC	Bộ Nội vụ	API Thông tin chung Hồ sơ điện tử dùng để đồng bộ, cập nhật dữ liệu nhóm thông tin chung cơ bản của hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức
139	G09.55	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M03 – Nhóm Quá trình đào tạo, bồi dưỡng	Bộ Nội vụ	API dùng để đồng bộ, cập nhật nhóm các quá trình đào tạo, bồi dưỡng như Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, Lý luận chính trị, Quản lý nhà nước/ Chức danh nghề nghiệp/ Nghiệp vụ chuyên ngành, Tin học, Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc.
140	G09.56	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M04 - Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn (từ trung cấp trở lên cả trong nước và nước ngoài)	Bộ Nội vụ	API Quá trình đào tạo chuyên môn dùng để thêm các quá trình đào tạo về Trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức
141	G09.57	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M05 - Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị	Bộ Nội vụ	API dùng để đồng bộ, cập nhật các quá trình bồi dưỡng về lý luận chính trị của cán bộ, công chức, viên chức
142	G09.58	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M06 – Bồi dưỡng quản lý nhà nước/ chức danh nghề nghiệp/ nghiệp vụ chuyên ngành	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật các thông tin về Quản lý nhà nước, Chức danh nghề nghiệp, Nghiệp vụ chuyên ngành của cán bộ, công chức, viên chức
143	G09.59	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M09 - Đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ/ Tiếng dân tộc	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật quá trình đào tạo, bồi dưỡng về Ngoại

					ngữ, tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức
144	G09.60	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M10 – Tóm tắt quá trình công tác	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật quá trình công tác cho cán bộ, công chức, viên chức
145	G09.61	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M11 - Nhóm thông tin đặc điểm lịch sử bản thân	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật thông tin về đặc điểm lịch sử bản thân cho cán bộ, công chức, viên chức
146	G09.62	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M12 - Bị bắt, tù đầy	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật thông tin về đặc điểm lịch sử bản thân: bị bắt tù đầy cho cán bộ, công chức, viên chức
147	G09.63	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M14 - Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội ở nước ngoài	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật thông tin về đặc điểm lịch sử bản thân:tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội ở nước ngoài cho cán bộ, công chức, viên chức
148	G09.64	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M15 – Nhóm thông tin Khen thưởng, Kỷ luật	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật thông tin khen thưởng, kỷ luật cho cán bộ, công chức, viên chức
149	G09.65	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M16 - Thành tích thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật thông tin khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức
150	G09.66	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M17 - Kỷ luật Đảng/ hành chính	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật danh sách kỷ luật của cán bộ, công chức, viên chức
151	G09.67	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M19 - Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ (hoặc chồng), các con, anh chị em ruột	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật nhóm thông tin quan hệ gia đình Quan hệ gia đình bên bản thân cho cán bộ, công chức, viên chức
152	G09.68	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M20 - Cha, Mẹ, anh chị em ruột (bên vợ hoặc chồng)	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật nhóm thông tin quan hệ gia đình bên Vợ hoặc bên Chồng cho cán bộ, công chức, viên chức
153	G09.69	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M21 – Nhóm thông tin Hoàn cảnh kinh tế gia đình	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật nhóm thông tin Hoàn cảnh kinh tế gia đình của cán bộ, công chức, viên chức
154	G09.70	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M22 - Quá trình lương của bản thân	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật thông tin quá trình lương của bản thân cán bộ, công chức, viên chức
155	G09.71	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M23 - Các loại phụ cấp khác	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật quá trình phụ cấp khác cho cán bộ, công chức, viên chức
156	G09.72	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M24 - Nguồn thu nhập chính của gia đình hàng năm	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật nhóm thông tin về nguồn thu nhập chính của gia đình hàng năm
157	G09.73	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M25 - Nhận xét, đánh giá của cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật các thông tin về nhận xét, đánh giá của đơn vị sử dụng cán bộ đánh giá cán bộ, công chức, viên chức
158	G09.74	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M26 - Nghỉ việc	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật quyết định nghỉ việc và trạng thái nghỉ việc cho cán bộ, công chức, viên chức
159	G09.75	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M27 - Gián đoạn lao động	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật các thông tin gián đoạn lao động như điều chuyển, miễn nhiệm, bổ nhiệm,... cho cán bộ, công chức, viên chức
160	G09.76	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ M28 - Tập tin đính kèm Ảnh cá nhân (Ảnh đại diện)	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật tập tin đính kèm ảnh cá nhân cho cán bộ, công chức, viên chức
161	G09.77	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ CSDM01 - Dịch vụ Dữ liệu danh mục dùng chung	Bộ Nội vụ	API dùng để lấy các giá trị trong danh mục dùng chung, lấy dữ liệu danh mục tại mục II.4 của tài liệu này.
162	G09.78	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C01 – Dịch vụ chia sẻ dữ liệu đã được đối khớp với CSDLQG về Dân cư từ CSDLQG về CBCCVC	Bộ Nội vụ	API dùng để lấy dữ liệu đã được đối khớp với CSDLQG về Dân cư từ CSDLQG về CBCCVC để cập nhật vào hệ thống BNDP
163	G09.79	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C02 – Dịch vụ chia sẻ dữ liệu đã được đối khớp với CSDLQG về BHXH từ CSDLQG về CBCCVC	Bộ Nội vụ	API dùng để lấy dữ liệu đã được đối khớp với CSDLQG về BHXH từ CSDLQG về CBCCVC để cập nhật vào hệ thống BNDP
164	G09.80	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C03. API Chia sẻ thông tin đơn vị	Bộ Nội vụ	API cho phép chia sẻ các thông tin về đơn vị từ CSDLQGvCBCCVC về hệ thống tại BNDP
165	G09.81	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C04 – Nhóm toàn bộ Thông tin hồ sơ CBCCVC	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Toàn bộ Thông tin hồ sơ CBCCVC cho phép các đơn vị có thể truy vấn Toàn bộ Thông tin hồ sơ điện tử của một cán bộ, công chức, viên chức
166	G09.82	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C05 - Thông tin chung hồ sơ CBCCVC	Bộ Nội vụ	API cho phép chia sẻ các thông tin chung của hồ sơ CBCCVC
167	G09.83	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C06 – Nhóm thông tin Quá trình đào tạo, bồi dưỡng	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quá trình đào tạo, bồi dưỡng của CBCCVC. Cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về quá trình bồi dưỡng về chuyên môn, quản lý nhà nước, lý luận chính trị,...của CBCCVC
168	G09.84	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C07 – Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn (từ trung cấp trở	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quá trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho

			lên cả trong nước và nước ngoài)		phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về quá trình đào tạo chuyên môn trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
169	G09.85	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C08 - Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quá trình bồi dưỡng lý luận chính trị cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Quá trình bồi dưỡng lý luận chính trị trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
170	G09.86	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C09 – Bồi dưỡng quản lý nhà nước/ chức danh nghề nghiệp/ nghiệp vụ chuyên ngành	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quản lý nhà nước/ chức danh nghề nghiệp/ nghiệp vụ chuyên ngành cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Quản lý nhà nước/ chức danh nghề nghiệp/ nghiệp vụ chuyên ngành trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
171	G09.87	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C10 - Bồi dưỡng kiến thức an ninh, quốc phòng	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Quá trình bồi dưỡng kiến thức an ninh, quốc phòng trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức từ hệ thống CSDLQG về hệ thống tại BNDP
172	G09.88	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C11 - Đào tạo, bồi dưỡng tin học	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quá trình đào tạo, bồi dưỡng tin học cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Quá trình đào tạo, bồi dưỡng tin học trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
173	G09.89	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C12 - Đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ/ tiếng dân tộc	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quá trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ/ tiếng dân tộc cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Quá trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ/ tiếng dân tộc trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
174	G09.90	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C13 - Tóm tắt quá trình công tác	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quá trình công tác cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Quá trình công tác trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
175	G09.91	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C14 – Nhóm thông tin đặc điểm lịch sử bản thân	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Đặc điểm lịch sử bản thân cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Đặc điểm lịch sử bản thân trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
176	G09.92	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C15 – Bị bắt, tù đầy	Bộ Nội vụ	API chia sẻ thông tin bị bắt, tù đầy cho phép các đơn vị có thể truy vấn thông tin về Đặc điểm lịch sử bản thân: bị bắt, tù đầy trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
177	G09.93	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C16 – Bản thân có làm việc cho chế độ cũ	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Bản thân có làm việc cho chế độ cũ cho phép các đơn vị có thể truy vấn thông tin về Đặc điểm lịch sử bản thân: bản thân có làm việc cho chế độ cũ trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
178	G09.94	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C17 – Tham gia hoặc có quan hệ với tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội ở nước ngoài	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Thông tin Tham gia hoặc có quan hệ với tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội ở nước ngoài cho phép các đơn vị có thể truy vấn thông tin về Đặc điểm lịch sử bản thân: Tham gia hoặc có quan hệ với tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội ở nước ngoài trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
179	G09.95	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C18 – Nhóm thông tin Khen thưởng, Kỷ luật	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Khen thưởng, Kỷ luật cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Khen thưởng, Kỷ luật trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
180	G09.96	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C19 - Thành tích thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Danh sách khen thưởng cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Danh sách khen thưởng trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
181	G09.97	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C19 - Thành tích thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Danh sách khen thưởng cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Danh sách khen thưởng trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
182	G09.98	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C20 - Kỷ luật Đáng/ hành chính	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Danh sách kỷ luật cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Danh sách kỷ luật trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
183	G09.99	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C21 – Nhóm thông tin Quan hệ gia đình	Bộ Nội vụ	API dùng để chia sẻ nhóm thông tin quan hệ gia đình của cán bộ, công chức, viên chức tại hệ thống Quốc gia về hệ thống Công chức, Viên chức tại địa phương
184	G09.100	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C22 - Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ (hoặc chồng), các con, anh chị em ruột	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quan hệ gia đình bên bản thân cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Quan hệ gia đình bên bản thân trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
185	G09.101	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C23 - Cha, Mẹ, anh chị em ruột (bên vợ hoặc chồng)	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quan hệ gia đình bên vợ, chồng cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Quan hệ gia đình bên vợ, chồng trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
186	G09.102	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C24 – Nhóm thông tin Hoàn cảnh kinh tế gia đình	Bộ Nội vụ	API dùng để chia sẻ các thông tin về Hoàn cảnh kinh tế gia đình từ hệ thống Quốc gia về hệ thống tại BNDP
187	G09.103	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C25 - Quá trình lương của bản thân	Bộ Nội vụ	API chia sẻ các thông tin lương của bản thân cán bộ, công chức, viên chức

					từ hệ thống Quốc gia về hệ thống tại Địa phương
188	G09.104	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C26 - Các loại phụ cấp khác	Bộ Nội vụ	API dùng để chia sẻ thông tin về phụ cấp của cán bộ, công chức, viên chức
189	G09.105	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C27 - Nguồn thu nhập chính của gia đình hàng năm	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin nguồn thu nhập chính của gia đình cán bộ, công chức, viên chức hàng năm
190	G09.106	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C28 - Nhận xét, đánh giá của cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin nhận xét, đánh giá của đơn vị sử dụng cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về nhận xét, đánh giá của đơn vị sử dụng trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
191	G09.107	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C29 – Nghỉ việc	Bộ Nội vụ	API cho phép chia sẻ trạng thái và thông tin nghỉ việc của hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước
192	G09.108	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C30 - Gián đoạn lao động	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin gián đoạn lao động cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về gián đoạn lao động trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
193	G09.109	CSDL quốc gia về CBCVCV 2.0	Dịch vụ C31 - Tập tin đính kèm Ảnh cá nhân (Ảnh đại diện)	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Tập tin đính kèm Ảnh cá nhân (Ảnh đại diện) cho phép các đơn vị có thể truy vấn Tập tin đính kèm Ảnh cá nhân (Ảnh đại diện) của một cán bộ, công chức, viên chức, công chức, viên chức
194	G10.01	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh sách đơn vị hành chính cấp tỉnh	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh sách đơn vị hành chính cấp tỉnh
195	G10.02	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy Danh sách đơn vị hành chính cấp huyện theo mã tỉnh	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh sách đơn vị hành chính cấp huyện theo mã tỉnh
196	G10.03	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh sách đơn vị hành chính cấp xã theo huyện	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh sách đơn vị hành chính cấp xã theo huyện
197	G10.04	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục vùng kinh tế	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục vùng kinh tế
198	G10.05	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại đất hiện trạng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục loại đất hiện trạng
199	G10.06	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại đất hiện trạng theo id	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục loại đất hiện trạng theo id
200	G10.07	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại đối tượng sử dụng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục loại đối tượng sử dụng
201	G10.08	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ danh mục loại đối tượng sử dụng theo id	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục loại đối tượng sử dụng theo id
202	G10.09	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại khu vực tổng hợp	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục loại khu vực tổng hợp
203	G10.10	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại khu vực tổng hợp theo id	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục loại khu vực tổng hợp theo id
204	G10.11	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục mục đích sử dụng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục mục đích sử dụng
205	G10.12	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục mục đích sử dụng theo id	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục mục đích sử dụng theo id
206	G10.13	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại cấp hạng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tất cả danh mục loại cấp hạng
207	G10.14	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại cấp hạng theo id	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục loại cấp hạng theo id
208	G10.15	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại địa danh	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục loại địa danh
209	G10.16	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại địa danh theo id	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục loại địa danh theo id

				nguyên và Môi trường	
210	G10.17	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại điểm tọa độ	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục loại điểm tọa độ
211	G10.18	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại điểm tọa độ theo id	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục loại điểm tọa độ theo id
212	G10.19	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại mốc	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tất cả danh mục loại mốc
213	G10.20	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại mốc theo id	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục loại mốc theo id
214	G10.21	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại mốc địa giới	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tất cả danh mục loại mốc địa giới
215	G10.22	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại mốc địa giới theo id	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục loại mốc địa giới theo id
216	G10.23	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại quy hoạch	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục loại quy hoạch
217	G10.24	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại quy hoạch theo id	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục loại quy hoạch theo id
218	G10.25	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại vùng thủy hệ	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục loại vùng thủy hệ
219	G10.26	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại vùng thủy hệ theo id	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục loại vùng thủy hệ theo id
220	G10.27	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh sách thông tin metadata của dữ liệu định dạng file số, hồ sơ quét theo id nhóm dữ liệu	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh sách thông tin metadata của dữ liệu định dạng file số, hồ sơ quét theo id nhóm dữ liệu
221	G10.28	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy thông tin chi tiết metadata của một dữ liệu định dạng file số, hồ sơ quét theo id	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Thông tin chi tiết metadata của một dữ liệu định dạng file số, hồ sơ quét theo id
222	G10.29	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ download file số, hồ sơ quét theo id lấy được bằng dịch vụ ở trên	Bộ Tài nguyên và Môi trường	File số, hồ sơ quét theo id lấy được bằng dịch vụ ở trên
223	G10.30	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy dữ liệu về số liệu hiện trạng sử dụng đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Dữ liệu về số liệu hiện trạng sử dụng đất
224	G10.31	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp quốc gia
225	G10.32	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp vùng kinh tế	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp vùng kinh tế
226	G10.33	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp quốc gia theo đối tượng sử dụng đất/đối tượng quản lý đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp quốc gia theo đối tượng sử dụng đất/đối tượng quản lý đất
227	G10.34	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục giai đoạn quy hoạch	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục giai đoạn quy hoạch
228	G10.35	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy dữ liệu về số liệu quy hoạch sử dụng đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Dữ liệu về số liệu quy hoạch sử dụng đất
229	G10.36	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy dữ liệu về công trình, dự án	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Dữ liệu về công trình, dự án
230	G10.37	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy thông tin chi tiết công trình, dự án theo id	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Thông tin chi tiết công trình, dự án theo id

231	G10.38	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục giai đoạn ban hành giá đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Danh mục giai đoạn ban hành giá đất
232	G10.39	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục nhóm loại đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tất cả danh mục nhóm loại đất
233	G10.40	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại xã, đô thị	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tất cả danh mục loại xã, đô thị
234	G10.41	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả dữ liệu metadata khung giá đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tất cả dữ liệu metadata khung giá đất
235	G10.42	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả dữ liệu metadata bảng giá đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tất cả dữ liệu metadata bảng giá đất
236	G10.43	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy dữ liệu metadata bảng giá đất theo mã tỉnh	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Dữ liệu metadata bảng giá đất theo mã tỉnh
237	G10.44	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ bản đồ (ArcgisServer REST Mapservice) của dữ liệu điều tra đánh giá Chất lượng đất của vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bản đồ (ArcgisServer REST Mapservice) của dữ liệu điều tra đánh giá Chất lượng đất của vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long
238	G10.45	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ bản đồ (ArcgisServer REST Mapservice) của dữ liệu điều tra đánh giá tiềm năng của vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bản đồ (ArcgisServer REST Mapservice) của dữ liệu điều tra đánh giá tiềm năng của vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long
239	G10.46	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ bản đồ (ArcgisServer REST Mapservice) của dữ liệu điều tra đánh giá khoanh điều tra của vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bản đồ (ArcgisServer REST Mapservice) của dữ liệu điều tra đánh giá khoanh điều tra của vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long
240	G10.47	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ bản đồ (ArcgisServer REST Mapservice) của dữ liệu quy hoạch sử dụng đất đai của vùng kinh tế Duyên Hải Miền Trung	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bản đồ (ArcgisServer REST Mapservice) của dữ liệu quy hoạch sử dụng đất đai của vùng kinh tế Duyên Hải Miền Trung
241	G10.48	Kết nối dịch vụ công thiết yếu Tài nguyên và môi trường	Dịch vụ lấy thông tin hồ sơ nộp tại Bộ	Bộ Tài nguyên và Môi trường	API Dịch vụ lấy thông tin hồ sơ nộp tại Bộ
242	G10.49	Kết nối dịch vụ công thiết yếu Tài nguyên và môi trường	Dịch vụ cập nhật thông tin hồ sơ từ Địa phương lên Bộ	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Kết nối cập nhật thông tin hồ sơ từ Địa phương lên Bộ
243	G10.50	Kết nối dịch vụ công thiết yếu Tài nguyên và môi trường	Dịch vụ lấy danh sách hồ sơ mới nộp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên toàn quốc Bộ TN&MT	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Dịch vụ lấy danh sách hồ sơ mới nộp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên toàn quốc Bộ TN&MT
244	G10.51	Kết nối dịch vụ công thiết yếu Tài nguyên và môi trường	Dịch vụ cập nhật thông tin hồ sơ nộp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên toàn quốc Bộ TN&MT	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Dịch vụ cập nhật thông tin hồ sơ nộp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên toàn quốc Bộ TN&MT
245	G06.01	Dịch vụ danh mục đúng chung	API lấy danh sách danh mục cấp 1	Bộ Thông tin và Truyền thông	Danh sách danh mục với thông tin phiên bản, số bản ghi, các endpoint của danh mục
246	G06.02	Dịch vụ danh mục đúng chung	API Lấy cấu trúc danh mục	Bộ Thông tin và Truyền thông	Danh sách các trường dữ liệu của danh mục Văn bản điều hành cấp1
247	G06.03	Dịch vụ danh mục đúng chung	API Lấy dữ liệu cấp 1	Bộ Thông tin và Truyền thông	Danh sách dữ liệu
248	G06.04	Dịch vụ danh mục đúng chung	API danh mục - mã định danh kết nối các hệ thống QLVBDH cấp 2	Bộ Thông tin và Truyền thông	Danh sách các trường dữ liệu của danh mục Văn bản điều hành cấp 2
249	G06.05	Dịch vụ danh mục đúng chung	API Lấy dữ liệu cấp 2	Bộ Thông tin và Truyền thông	Danh sách dữ liệu cấp 2
250	G06.06	Kết nối nguồn hệ thống trung ương	Gửi tin yêu cầu phát bản tin thông thường và bản tin ưu tiên trên đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT từ HTTT nguồntrung ương gửi đến HTTT nguồn cấp tỉnh	Bộ Thông tin và Truyền thông	Gửi tin yêu cầu phát bản tin thông thường và bản tin ưu tiên trên đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT từ HTTT nguồntrung ương gửi đến HTTT nguồn cấp tỉnh
251	G06.07	Kết nối nguồn hệ thống trung ương	HTTT nguồn cấp tỉnh gửi dữ liệu đến HTTT nguồn trung ương ngay sau khi lịch phát bản tin được tạo lập hoặc cập nhật	Bộ Thông tin và Truyền thông	HTTT nguồn cấp tỉnh gửi dữ liệu đến HTTT nguồn trung ương ngay sau khi lịch phát bản tin được tạo lập hoặc cập nhật
252	G06.08	Kết nối nguồn hệ thống trung ương	HTTT nguồn cấp tỉnh gửi dữ liệu đến HTTT nguồn trung ương	Bộ Thông tin	HTTT nguồn cấp tỉnh gửi dữ liệu đến HTTT nguồn trung ương ngay sau khi

			ngay sau khi lịch phát bản tin được tạo lập hoặc cập nhật	và Truyền thông	lịch phát bản tin được tạo lập hoặc cập nhật
253	G06.09	Kết nối nguồn hệ thống trung ương	Gửi tin trạng thái hoạt động, trạng thái kết nối từ cụm loa truyền thanh gửi từ hệ HTTT nguồn cấp tỉnh đến HTTT nguồn trung ương	Bộ Thông tin và Truyền thông	Gửi tin trạng thái hoạt động, trạng thái kết nối từ cụm loa truyền thanh gửi từ hệ HTTT nguồn cấp tỉnh đến HTTT nguồn trung ương
254	G06.10	Kết nối nguồn hệ thống trung ương	Gửi tin kích hoạt, thay thế, sửa chữa thiết bị cụm loa gửi từ hệ HTTT nguồn cấp tỉnh đến HTTT nguồn trung ương	Bộ Thông tin và Truyền thông	Gửi tin kích hoạt, thay thế, sửa chữa thiết bị cụm loa gửi từ hệ HTTT nguồn cấp tỉnh đến HTTT nguồn trung ương
255	G06.11	Kết nối nguồn hệ thống trung ương	Gửi tin yêu cầu phát bản tin thông thường và bản tin ưu tiên trên bảng tin điện tử công cộng từ HTTT nguồn trung ương gửi đến HTTT nguồn cấp tỉnh	Bộ Thông tin và Truyền thông	Gửi tin yêu cầu phát bản tin thông thường và bản tin ưu tiên trên bảng tin điện tử công cộng từ HTTT nguồn trung ương gửi đến HTTT nguồn cấp tỉnh
256	G06.12	Kết nối nguồn hệ thống trung ương	HTTT nguồn cấp tỉnh gửi dữ liệu đến HTTT nguồn trung ương ngay khi bản tin được phát	Bộ Thông tin và Truyền thông	HTTT nguồn cấp tỉnh gửi dữ liệu đến HTTT nguồn trung ương ngay khi bản tin được phát
257	G06.13	Kết nối nguồn hệ thống trung ương	HTTT nguồn cấp tỉnh gửi dữ liệu đến HTTT nguồn trung ương ngay khi lịch phát bản tin được tạo lập hoặc cập nhật	Bộ Thông tin và Truyền thông	HTTT nguồn cấp tỉnh gửi dữ liệu đến HTTT nguồn trung ương ngay khi lịch phát bản tin được tạo lập hoặc cập nhật
258	G06.14	Kết nối nguồn hệ thống trung ương	Gửi tin trạng thái hoạt động, trạng thái kết nối từ bảng tin điện tử công cộng gửi từ hệ HTTT nguồn cấp tỉnh đến HTTT nguồn trung ương	Bộ Thông tin và Truyền thông	Gửi tin trạng thái hoạt động, trạng thái kết nối từ bảng tin điện tử công cộng gửi từ hệ HTTT nguồn cấp tỉnh đến HTTT nguồn trung ương
259	G06.15	Kết nối nguồn hệ thống trung ương	Gửi tin kích hoạt, thay thế, sửa chữa bảng tin điện tử công cộng gửi từ hệ HTTT nguồn cấp tỉnh đến HTTT nguồn trung ương	Bộ Thông tin và Truyền thông	Gửi tin kích hoạt, thay thế, sửa chữa bảng tin điện tử công cộng gửi từ hệ HTTT nguồn cấp tỉnh đến HTTT nguồn trung ương
260	G06.16	Kết nối nguồn hệ thống trung ương	Tình hình hoạt động thông tin cơ sở	Bộ Thông tin và Truyền thông	Tình hình hoạt động thông tin cơ sở
261	G06.17	Nhiệm vụ kết nối do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý	Dịch vụ tải file đính kèm	Bộ Thông tin và Truyền thông	Dịch vụ tải file đính kèm
262	G06.18	Nhiệm vụ kết nối do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý	Dịch vụ cập nhật tiến độ nhiệm vụ	Bộ Thông tin và Truyền thông	Dịch vụ tải file đính kèm
263	G06.19	Nhiệm vụ kết nối do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý	Dịch vụ xin gia hạn nhiệm vụ	Bộ Thông tin và Truyền thông	Dịch vụ xin gia hạn nhiệm vụ
264	G06.20	Nhiệm vụ kết nối do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý	Dịch vụ Thêm hoặc cập nhật nhiệm vụ trong tâm mà Sở đẩy lên Bộ	Bộ Thông tin và Truyền thông	Dịch vụ Thêm hoặc cập nhật nhiệm vụ trọng tâm mà Sở đẩy lên Bộ
265	G06.21	Nhiệm vụ kết nối do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý	Dịch vụ Xóa nhiệm vụ Sở đã cập nhật lên hệ thống của Bộ	Bộ Thông tin và Truyền thông	Dịch vụ Xóa nhiệm vụ Sở đã cập nhật lên hệ thống của Bộ
266	G06.22	Nhiệm vụ kết nối do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý	Dịch vụ danh sách nhiệm vụ được giao	Bộ Thông tin và Truyền thông	Dịch vụ danh sách nhiệm vụ được giao
267	G15.01	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ TìmKiemVanbanFull	Bộ Tư pháp	Trả ra tất cả các văn bản tìm kiếm theo thông tư số đầu vào như: kiểu văn bản, ngày văn bản, theo từ khóa
268	G15.02	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ GetAllLinhVuc	Bộ Tư pháp	Trả ra tất cả các văn bản tìm kiếm theo lĩnh vực
269	G15.03	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ GetAllCoQuanBienTap	Bộ Tư pháp	Trả ra tất cả các văn bản tìm kiếm theo cơ quan biên tập
270	G15.04	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ GetAllCoQuanBanHanh	Bộ Tư pháp	Trả ra tất cả các văn bản tìm kiếm theo cơ quan ban hành
271	G15.05	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ GetById	Bộ Tư pháp	Tìm kiếm văn bản theo ngôn ngữ, tiếng anh hoặc tiếng Việt Nam
272	G15.06	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ GetAllLoaiVanBan	Bộ Tư pháp	Tìm kiếm văn bản theo loại văn bản
273	G15.07	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ GetAllNguoiKy	Bộ Tư pháp	Tìm kiếm văn bản theo người ký
274	G15.08	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ GetAllChucDanh	Bộ Tư pháp	Tìm kiếm văn bản theo chức danh
275	G15.09	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ tải file đính kèm	Bộ Tư pháp	Cho phép tải file đính kèm
276	G15.10	Hệ thống thông tin hộ tịch tư pháp	Dịch vụ đăng ký hộ tịch - dangKyHoTich	Bộ Tư pháp	Cho phép tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ tịch từ Hệ thống phần mềm một cửa hoặc Phần mềm hộ tịch của địa phương (thêm mới hoặc cập nhật thông tin mới nhất)

277	G15.11	Hệ thống thông tin hộ tịch tư pháp	Dịch vụ danh mục - danhMuc	Bộ Tư pháp	Cho phép trả về dữ liệu của các danh mục
278	G15.12	Hệ thống thông tin hộ tịch tư pháp	Dịch vụ tra trạng thái xử lý hồ sơ – traTrangThaiHoSo	Bộ Tư pháp	Kiểm tra trạng thái xử lý hồ sơ (dựa trên Số phiếu tiếp nhận hồ sơ đã được sinh trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của địa phương).
279	G15.13	Hệ thống thông tin hộ tịch tư pháp	Dịch vụ kết quả đăng ký hồ sơ – ketQuaDangKyHS	Bộ Tư pháp	Cho phép trả về kết quả đăng ký (dựa trên Số phiếu tiếp nhận hồ sơ đã được sinh trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của địa phương).
280	G15.14	Hệ thống thông tin hộ tịch tư pháp	Dịch vụ lấy danh sách hồ sơ đã đăng ký – dsHoSoDangKy	Bộ Tư pháp	Cho phép trả về danh sách hồ sơ đã đăng ký (lấy theo ngày cập nhật hồ sơ – là ngày hồ sơ được tạo mới trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp hoặc ngày hồ sơ được thay đổi thông tin gần nhất nếu hồ sơ đã được cập nhật, thay đổi nội dung).
281	G15.15	Hệ thống thông tin hộ tịch tư pháp	Dịch vụ trả thông tin chi tiết từng hồ sơ đã lưu – traHoSo	Bộ Tư pháp	Cho phép trả về thông tin chi tiết của từng hồ sơ đã được lưu trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (lấy thông tin chi tiết qua ID của dữ liệu do Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch cung cấp).
282	G15.16	Hệ thống thông tin hộ tịch tư pháp	Dịch vụ trả thông tin chi tiết danh sách các hồ sơ – traDanhSachHoSo	Bộ Tư pháp	Cho phép trả về thông tin chi tiết của một danh sách các hồ sơ đã được lưu trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (lấy thông tin chi tiết qua danh sách ID của dữ liệu do Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch cung cấp).
283	G15.17	Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp	Dịch vụ nhanHoSoDangKy	Bộ Tư pháp	Mã định danh trên Lý lịch tư pháp
284	G15.18	Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp	Dịch vụ traTrangThaiHs	Bộ Tư pháp	Trả thông tin trạng thái của một hồ sơ cụ thể từ Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung sang Phần mềm một cửa
285	G15.19	Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp	Dịch vụ traHoSo	Bộ Tư pháp	Cung cấp thông tin từ khai từ Phần hệ đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp hoặc Phần mềm Quản lý Lý lịch tư pháp dùng chung sang Phần mềm một cửa
286	G15.20	Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp	Dịch vụ traDanhMuc	Bộ Tư pháp	Trả thông tin danh mục
287	G15.21	Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp	Dịch vụ danhDauHsThanhCong	Bộ Tư pháp	Cập nhật trạng thái Phần mềm một cửa đã lấy dữ liệu thành công từ Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung
288	G15.22	Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp	Dịch vụ traDsTrangThaiHs	Bộ Tư pháp	Trả danh sách trạng thái của các hồ sơ có thay đổi trạng thái từ Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung sang Phần mềm một cửa
289	G15.23	Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp VNIED	API nhanHoSo	Bộ Tư pháp	
290	G15.24	Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp VNIED	API capNhatTrangThai	Bộ Tư pháp	
291	G15.25	Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp VNIED	API capNhatDSTrangThai	Bộ Tư pháp	
292	G15.26	Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp VNIED	API layDanhMuc	Bộ Tư pháp	
293	G15.27	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thông qua dịch vụ NDXP	Hàm đăng ký hộ tịch - dangKyHoTich	Bộ Tư pháp	Cho phép tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ tịch từ Hệ thống phần mềm một cửa hoặc Phần mềm hộ tịch của địa phương (thêm mới hoặc cập nhật thông tin mới nhất).
294	G15.28	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thông qua dịch vụ NDXP	Dịch vụ danh mục - danhMuc	Bộ Tư pháp	Hàm chức năng cho phép trả về dữ liệu của các danh mục
295	G15.29	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thông qua dịch vụ NDSP	Dịch vụ tra trạng thái xử lý hồ sơ – traTrangThaiHoSo	Bộ Tư pháp	Hàm kiểm tra trạng thái xử lý hồ sơ (dựa trên Số phiếu tiếp nhận hồ sơ đã được sinh trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của địa phương).
296	G15.30	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thông qua dịch vụ NDSP	Dịch vụ kết quả đăng ký hồ sơ – ketQuaDangKyHS	Bộ Tư pháp	Hàm chức năng cho phép trả về kết quả đăng ký (dựa trên Số phiếu tiếp nhận hồ sơ đã được sinh trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của địa phương).
297	G15.31	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thông qua dịch vụ NDSP	Dịch vụ lấy danh sách hồ sơ đã đăng ký – dsHoSoDangKy	Bộ Tư pháp	Hàm chức năng cho phép trả về danh sách hồ sơ đã đăng ký (lấy theo ngày cập nhật hồ sơ – là ngày hồ sơ được tạo mới trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch)
298	G15.32	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thông qua dịch vụ NDSP	Dịch vụ trả thông tin chi tiết từng hồ sơ đã lưu – traHoSo	Bộ Tư pháp	Hàm chức năng cho phép trả về thông tin chi tiết của từng hồ sơ đã được lưu trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (lấy thông tin chi tiết qua ID của dữ liệu do Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch cung cấp).
299	G15.33	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thông qua dịch vụ NDSP	Dịch vụ trả thông tin chi tiết danh sách các hồ sơ – traDanhSachHoSo	Bộ Tư pháp	Hàm chức năng cho phép trả về thông tin chi tiết của một danh sách các hồ sơ đã được lưu trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (lấy thông tin chi tiết qua danh sách ID của dữ liệu do Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch cung cấp)
300	G15.34	Kết nối hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh với hệ thống thông tin đăng ký quản lý hộ tịch thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ	API nhận hồ sơ đăng ký hộ tịch từ HTTT giải quyết TTHC của địa phương	Bộ Tư pháp	Thông tin phản hồi từ hệ thống DK & QLHT khi nhận thông tin đăng ký từ HTTT giải quyết TTHC của địa phương

